

Số: 03/TB-MNTH

Kiến Thụy, ngày 06 tháng 01 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai danh sách học sinh được miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ ăn trưa cho học sinh trường Mầm non Thụy Hương đợt 2 năm 2025 theo Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định 277/2025-NĐ-CP của Chính phủ,**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số: 69/QĐ-MNTH ngày 15/12/2025 của trường Mầm non Thụy Hương Về việc phê duyệt danh sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh trường Mầm non Thụy Hương đợt 2 năm 2025 theo Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ;

Trường Mầm non Thụy Hương thông báo về việc niêm yết công khai danh sách học sinh được miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ ăn trưa cho học sinh trường Mầm non Thụy Hương đợt 2 năm 2025 theo Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định 277/2025-NĐ-CP của Chính phủ học kỳ I năm học 2025 - 2026 (kèm theo danh sách chi tiết).

Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, thanh tra nhân dân, văn thư, kế toán, giáo viên trong trường.

Địa điểm niêm yết: Phòng hội trường trường Mầm non Thụy Hương.

Thời gian niêm yết 30 ngày (kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 05 tháng 02 năm 2026).

Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 06 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Ban thanh tra nhân dân hoặc qua hòm thư của nhà trường ([mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn](mailto:mnthuyhuong@kienthuy.edu.vn)).

Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc chậm nhất là ngày 06/02/2026.

**Nơi nhận:**

- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

TỔNG HỢP DANH SÁCH TRẺ MẪU GIÁO ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA  
THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP VÀ 277/2025/NĐ-CP (HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026)

Đơn vị: đồng

Stt	Họ và tên	Con liệt sĩ, thương binh, đối tượng có công với cách mạng				Có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.				Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP				Khuyết tật				Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo				Mức hỗ trợ một tháng (10% mức lương cơ sở/HS/tháng)	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
		Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi				
A	B	0	0	0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	13	14	15	16	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Tổng	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0	0	1	-	-	1	3	2	0	1			4.160.000	
1	Bùi Quỳnh Như													1				0				160.000	2	320.000	NĐ105
																						360.000	2	720.000	NĐ277
2	Ngô Khánh An																	1			1	160.000	2	320.000	NĐ105
																						360.000	2	720.000	NĐ277
3	Nguyễn Ngọc Bích																	1	1			160.000	2	320.000	NĐ105
																						360.000	2	720.000	NĐ277
4	Bùi Thị Thanh Bình																	1	1			160.000	2	320.000	NĐ105
																						360.000	2	720.000	NĐ277

Kiến Thuy, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Ký bởi: NGUYỄN THỊ THẢO  
Ngày ký: 15/12/2025 17:30:50  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

HIỆU TRƯỞNG

Ký bởi: NGUYỄN THỊ SÂM  
Ngày ký: 15/12/2025 17:33:59  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

**TỔNG HỢP DANH SÁCH**  
**PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP (HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026)**  
(Kèm theo Quyết định số: 69/QĐ-MNTH ngày 15/12/2025)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Mức hỗ trợ một tháng	Số tháng hỗ trợ	Khuyết tật	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	Thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	Tổng số đối tượng	Thành tiền	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7=3+4+5+6	8	
A	<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>600.000</b>	
1	Bùi Quỳnh Như	150.000	4	1	0	0	0	1	600.000	5 tuổi A3

Kiến Thụy, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Ký bởi: NGUYỄN THỊ THẢO  
Ngày ký: 15/12/2025 17:30:50  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

HIỆU TRƯỞNG

Ký bởi: NGUYỄN THỊ SÂM  
Ngày ký: 15/12/2025 17:32:18  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

































Stt	Họ và tên	Mức học phí	Số tháng cấp bù	Kinh phí đề nghị hỗ trợ														Ghi chú	
				Miễn							Giảm 50%								
				Người có công, thân nhân người có công với CM	Trẻ em MG, học sinh tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế	Trẻ em MG, HS dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (K1-Đ5 ND 136/2013/ ND-CP)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	Con hạ sĩ quan, binh sĩ, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong LLVT ND	Trẻ em Mầm non	Tổng cộng	Thành tiền	Mức giảm học phí	Cha, mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc diện hộ cận nghèo	Tổng cộng	Thành tiền	Tổng kinh phí		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	$9=3+4+5+6+7+8$	$9=1*2*8$	$10=1*50\%$	11	12	$13=11+12$	$14=2*10*13$	$15=9+14$		
283	Bùi Minh Tùng	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
284	Nguyễn Phương Linh	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
285	Bùi Đăng Khôi	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
286	Bùi Phúc Khang	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
287	Bùi Minh Thành	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
288	Nguyễn Văn Huy	92.000	3,5						1	1	322.000								NT D3
289	Bùi Phương Mai	92.000	1						1	1	92.000								NT D3
290	Bùi Ngọc Kim Ngân	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
291	Nguyễn An Nhiên	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
292	Nguyễn Chí Thiên	92.000	4						1	1	368.000								NT D3
293	Bùi Tâm Như	92.000	4						1	1	368.000								NT D3

Danh sách trên gồm: 293 học sinh

Ghi chú: Mức học phí học kỳ I năm học 2025-2026 thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQHĐND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.

Kiến Thụy, ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Ký bởi: NGUYỄN THỊ THẢO  
Ngày ký: 15/12/2025 17:30:50  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

HIỆU TRƯỞNG



Ký bởi: NGUYỄN THỊ SÂM  
Ngày ký: 15/12/2025 17:33:59  
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS